

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/DS-ST
Ngày: 17/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Gái;

Ông Giang Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký **Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất**, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Chiêm Thị H**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: **Số E, tổ G, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Tuyết N**, sinh năm: 1995 và anh **Nguyễn Thanh D**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: **Tổ F, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Đỗ Hoàng Đ**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: **Số E, tổ G, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Chiêm Thị H** trình bày:

Nguyên trước đây do biết chị **N**, anh **D** làm chủ hội, nên chị có tham gia chơi hội, chị tham gia bốn dây hội với hình thức chơi như sau:

+ Hội áp ngày 10/9/2020 âm lịch, hội tháng 3.000.000 đồng, hội có 28 chân hội, hội mỗi tháng xổ một lần vào ngày mùng 10 âm lịch hàng tháng, ai bỏ hội cao thì được hốt, chị tham gia dây hội này hai chân. Ngày 10/11/2022 âm lịch, hốt đầu hội thứ nhất với số tiền 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng chị **N**, anh **D** không giao tiền hội cho chị, nên còn thiếu lại vợ chồng chị số tiền hội 75.000.000 đồng x 2 = 150.000.000 đồng - tiền huê hồng 3.000.000 đồng, còn lại 147.000.000 đồng.

+ Hội áp ngày 25/02/2021 âm lịch, hội tháng 5.000.000 đồng, hội có 20 chân, hội mỗi tháng xổ một lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, ai bỏ hội cao thì được hốt, vợ chồng chị tham gia dây hội này một chân. Ngày 25/10/2022 âm lịch hốt hội chót với số tiền 95.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng chị **N**, anh **D** không giao tiền hội cho chị, nên còn thiếu lại chị số tiền hội 95.000.000 đồng, trừ lại tiền huê hồng 2.500.000 đồng, còn lại 92.500.000 đồng.

+ Hội áp ngày 30/12/2021 âm lịch, hội tháng 2.000.000 đồng, hội có 32 chân, hội mỗi tháng xổ một lần vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, ai bỏ hội cao thì được hốt, chị tham gia dây hội này hai chân. Ngày 30/10/2022 âm lịch, thì vợ chồng chị **N**, anh **D** ngưng xổ hội, chị đã đóng được 10 lần hội sống (4.000.000 đồng x 10 lần) với số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng chị **N**, anh **D** nói ngưng xổ hội, sau đó chị tìm hiểu biết được vợ chồng chị **N** vẫn xổ hội và đi gom hội những thành viên đã hốt hội, nhưng không cho chị hay.

+ Hội áp ngày 10/3/2022 âm lịch, hội tháng 1.000.000 đồng, hội có 34 chân, hội mỗi tháng xổ một lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, ai bỏ hội cao thì được hốt, chị tham gia dây hội này hai chân. Ngày 10/11/2022 âm lịch, thì vợ chồng chị **N**, anh **D** ngưng xổ hội, chị đã đóng được 08 lần hội sống (2.000.000 đồng x 08 lần) với số tiền 16.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng chị **N**, anh **D** nói ngưng xổ hội, sau đó chị tìm hiểu biết được vợ chồng chị **N** vẫn xổ hội bình thường.

Ngày 10/4/2022 âm lịch, vợ chồng chị **N** bán cho chị một đầu hội trong dây hội tháng 1.000.000 đồng áp ngày 10/3/2022 âm lịch với số tiền 23.600.000 đồng.

Vậy tổng cộng vợ chồng chị **N**, anh **D** còn thiếu chị số tiền 319.100.000 đồng. Cho đến nay, chị đã liên hệ với vợ chồng chị **N**, anh **D** yêu cầu trả tiền hội, nhưng vợ chồng chị **N**, anh **D** tìm cách lánh mặt, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do nguồn tiền chơi hội là của vợ chồng chị, nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng chị **N**, anh **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền nợ hội là 319.100.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, qua hoà giải, thì vợ chồng chị **N** có xin tiền lãi hụi đối với hụi áp ngày 30/12/2021 âm lịch và ngày 10/3/2022 âm lịch, nên vợ chồng chị yêu cầu vợ chồng chị **N**, anh **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền nợ hụi là 310.000.000 đồng theo quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Tuyết N trình bày:

+ Hụi áp ngày 20/9/2020 al, hụi tháng 3.000.000 đồng, hụi có 28 chân hụi, mỗi tháng xổ một lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, ai bỏ hụi cao thì được hốt. Chị **H** tham hai chân, đến ngày 10/11/2022 al chị **H** hốt chân đầu tiên (xổ lần thứ 25) với số tiền là 75.000.000 đồng, tuy nhiên chị không giao số tiền hụi này cho chị **H**, nên hai bên tính luôn chân còn lại bà **H** được hốt là 75.000.000 đồng. Tổng hai chân hụi là 150.000.000 đồng. Đối với chân hụi này chị thừa nhận là còn nợ chị **H** 150.000.000 đồng - tiền huê hồng 3.000.000 đồng, còn lại 147.000.000 đồng.

+ Hụi áp ngày 25/02/2021 âm lịch, hụi tháng 5.000.000 đồng, hụi có 20 chân, mỗi tháng xổ một lần vào ngày 25 âm lịch, chị **H** tham gia một chân. Ngày 25/10/2022 âm lịch chị **H** hốt hụi được số tiền là 95.000.000 đồng, chị cũng chưa giao số tiền hụi này cho chị **H**. Chân hụi này chị yêu cầu chị **H** trừ tiền hoa hồng cho chị là 2.500.000 đồng. Như vậy, chị chỉ còn nợ chị **H** số tiền là 92.500.000 đồng.

+ Hụi áp ngày 30/12/2021 âm lịch, hụi tháng 2.000.000 đồng, hụi có 32 chân, mỗi tháng xổ một lần vào ngày 30 âm lịch, chị **H** tham gia hai chân. Hụi xổ đến lần thứ 10 thì bẻ, do hụi viên không đóng tiền hụi. Do hụi bẻ, nên chị đề nghị được trả lại số tiền gốc mà chị **H** đã đóng, khoảng 15.000.000 đồng/01 chân, hai chân hụi khoảng 30.000.000 đồng.

+ Hụi áp ngày 10/3/2022 âm lịch, hụi tháng 1.000.000 đồng, hụi có 34 chân, mỗi tháng xổ một lần vào ngày 10 âm lịch, chị **H** tham gia hai chân. Hụi xổ đến lần thứ 8 thì bẻ, do hụi viên không đóng tiền hụi. Do hụi bẻ, nên chị đề nghị được trả lại số tiền gốc mà chị **H** đã đóng, khoảng 5.000.000 đồng/01 chân, hai chân hụi khoảng 10.000.000 đồng.

+ Ngày 10/4/2022 âm lịch, chị có đứng ra bán cho chị **H** một chân hụi và có nhận của chị **H** số tiền là 23.600.000 đồng. Số tiền hụi này chị đồng ý trả cho chị **H**.

Qua sự động viên của Toà, thì vợ chồng chị cũng thống nhất trả cho vợ chồng chị **H** số tiền 310.000.000 đồng. Nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, nên vợ chồng xin trả dần cụ thể:

Sang năm 2025, từ tháng 01 sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đến cuối tháng 3 trả 10.000.000 đồng, cuối tháng 9 hàng năm sẽ trả 10.000.000 đồng. Hàng năm cứ như vậy đến khi xong nợ thì thôi.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày: Thống nhất trình bày của vợ là Nguyễn Tuyết N, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hoàng Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của vợ là chị Chiêm Thị H, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa:

Chị Chiêm Thị H yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Tuyết N, anh Nguyễn Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền nợ hụi là 310.000.000 đồng, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng. Nếu vợ chồng chị N, anh D không đồng ý, thì yêu cầu HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Vợ chồng chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Thanh D cũng thống nhất trả cho vợ chồng chị H số tiền 310.000.000 đồng. Nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, nên vợ chồng anh chị xin trả dần cụ thể: Sang năm 2025, từ tháng 01 sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đến cuối tháng 3 trả 10.000.000 đồng, cuối tháng 9 hàng năm sẽ trả 10.000.000 đồng. Hàng năm cứ như vậy đến khi xong nợ thì thôi.

Anh Đỗ Hoàng Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của vợ là chị Chiêm Thị H, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Chiêm Thị H, anh Đỗ Hoàng Đ số tiền nợ hụi là 310.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Tuyết N và anh Nguyễn Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho chị Chiêm Thị H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, chị **Chiêm Thị H** yêu cầu vợ chồng anh **Nguyễn Tuyết N**, anh **Nguyễn Thanh D** phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Bị đơn chị **N**, anh **D** có nơi cư trú tại **khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Đối với yêu cầu vợ chồng chị **Nguyễn Tuyết N**, anh **Nguyễn Thanh D** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị **Chiêm Thị H** số tiền nợ hụi là 310.000.000 đồng theo quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Chiêm Thị H**, HĐXX thấy rằng: Tại Biên bản hòa giải ngày 06/9/2024 (BL 46-47) và tại phiên tòa, vợ chồng chị **N**, anh **D** đều thừa nhận vợ chồng chị **H** có tham gia bốn dây hụi cho chị **N** làm chủ hụi và có mua thêm một chân hụi do chị **N** bán lại, nên còn nợ vợ chồng chị **N** số tiền 310.000.000 đồng. Đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần phải chứng minh và được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Đối với yêu cầu của vợ chồng chị **N**, anh **D** về việc xin vợ chồng chị **H** cho vợ chồng chị từ tháng 01/2025 sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đến cuối tháng 3 trả 10.000.000 đồng, cuối tháng 9 hàng năm sẽ trả 10.000.000 đồng. Hàng năm cứ như vậy đến khi xong nợ thì thôi, vì kinh tế của vợ chồng chị hiện đang khó khăn, vợ chồng chị cũng bị người khác giựt hụi. Tuy nhiên, vợ chồng chị **H** không đồng ý với phương thức thanh toán của vợ chồng chị **N** đưa ra, mà yêu cầu vợ chồng chị **N** phải trả lại mỗi tháng 15.000.000 đồng. Hai bên không thoả thuận được phương thức trả tiền.

Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T** hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng

chị **N**. Tuy nhiên, nếu vợ chồng chị **N** thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị **N**, anh **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị **H**, anh **Đ** số tiền nợ hui là 310.000.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng chị **N**, anh **D** phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 310.000.000 đồng phải trả cho vợ chồng chị **H** là 15.500.000 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn chị **Chiêm Thị H**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ hui, biên, phường.

- Áp dụng mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T**.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng chị **Nguyễn Tuyết N**, anh **Nguyễn Thanh D** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị **Chiêm Thị H**, anh **Đỗ Hoàng Đ** số tiền nợ hui là 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Tuyết N, anh Nguyễn Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.500.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho chị Chiêm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.115.000đ (*Tám triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001138 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Do Đỗ Hoàng Đ nộp thay).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2024); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Nguyễn Thanh H1